

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD

Số/No.: 886/2020/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 29 tháng 09 năm 2020
Hanoi, 29 September 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSVFL
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **28/09/2020**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weight
I	Chứng khoán/Stock		
1	BID	560	2.2%
2	CTG	5,930	15.2%
3	EIB	1,540	2.6%
4	HCM	250	0.5%
5	HDB	2,230	6.8%
6	MBB	8,110	15.5%
7	SSI	1,130	1.8%
8	STB	8,880	11.5%
9	TCB	6,940	15.2%
10	VCB	1,720	14.5%
11	VPB	6,160	14.0%
II	Tiền/Cash (VND)	1,771,710	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between a basket and an ETF Creation Unit in value:


+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Basket in value	1,021,615,000 VND
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value of an ETF Creation Unit	1,023,386,710 VND
+ Giá trị chênh lệch/ Cash Component	1,771,710 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / Options to Investors:

· Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer Cash Component

· Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/

In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason: 

STT No	Mã Chứng Khoán Securities	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	SSI	16,450	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
2	BID	40,800	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
3	CTG	26,200	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
4	MBB	19,600	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
5	TCB	22,400	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
6	VPB	23,300	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 28/09/2020	Kỳ trước/Last Period 25/09/2020	Chênh lệch/ Difference
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	10	-10
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	80,400,000	80,400,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	10,410	10,150	260
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
của quỹ ETF/ of the Fund	812,569,048,192	796,793,560,586	15,775,487,606
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,023,386,710	1,016,318,317	7,068,393
của 1 CCQ/ per Share	10,233.86	10,163.18	70.68
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,031.09	1,010.07	21.02

Đại diện tổ chức
Organization representative



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Lệ Hằng